GIẰNG CO TÍCH LŨY

TÂM ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

Triển vọng tích cực của ngành Ngân hàng năm 2025

Tăng trưởng GDP năm 2024 của Việt Nam tăng 7,09% và dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng cao trong năm 2025.

NHNN dự kiến tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống năm 2025 khoảng 16%. Đồng thời, NHNN tiếp tục triển khai lộ trình hạn chế và tiến tới xóa bỏ việc điều hành phân bổ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho từng TCTD theo Nghị quyết 62/2022 ngày 16.6.2022 của Quốc hội

Các gói tín dụng ưu đãi đã giải ngân vượt dự kiến: NHNN dự kiến tăng số dư cũng như ưu đãi về lãi suất về thời hạn các gói tín dụng để góp phần hỗ trợ doanh nghiệp nhằm tăng trưởng nền kinh tế

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

STB

Khuyến nghị: Mua

TP: 41.100 VND | UPSIDE: +13%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Xu hướng VN-INDEX ngắn hạn

VN-Index giảm 3,56 điểm trong phiên 22/01 kết phiên ở mức 1.242,53 điểm. Thanh khoản tăng 2,67% so với phiên giao dịch ngày 21/01. Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 246 tỷ đồng trên HOSE.

Thị trường khả năng tiếp tục giằng co quanh vùng 1.240-1.250 điểm trong phiên giao dịch ngày 23/01. VN-Index tiếp tục có phiên giao dịch điều chỉnh giằng co dưới mốc tham chiếu. Khối ngoại duy trì bán ròng kèm tâm lý ngại giao dịch trước tết khiến dòng tiền tham gia chưa đủ mạnh. Khả năng thị trường tiếp tục tích lũy quanh vùng 1.240-1.250 điểm trong phiên tiếp theo nhằm củng cố lực cầu và thanh lọc các cổ phiếu yếu. Đồng thời, khi các doanh nghiệp dần công bố kết quả kinh doanh quý 4, kỳ vọng sẽ tạo động lực cho thị trường tăng trưởng mạnh sau dịp tết Nguyên Đán.

Chiến lược hành động

MUA: Nhà đầu tư có thể giải ngân cổ phiếu có triển vọng tăng trưởng cụ thể, ưu tiên cổ phiếu được kỳ vọng có KQKD quý 4/2024 tăng trưởng tốt

BÁN: NĐT duy trì tỷ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu hơn thị trường chung để bảo vệ lợi nhuận, hạ tỷ trọng danh mục khi VN-Index mất ngưỡng hỗ trợ 1.230 điểm.

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX

Chỉ báo	RSI 14	MFI	MA10	MA20	MA50	MA100
Giá trị	47,04	31,64	1.241,53	1.252,70	1.249,85	1.259,74
Hành động	Quan sát	Quan sát	Mua	Quan sát	Quan sát	Quan sát

Tổng quan thị trường

Thị trường	Giá trị	%Δ
VN-Index		
Đóng cửa	1.242,53	-0,29
KLCP (triệu CP)	508,86	2,67
GTGD (tỷ VND)	12.032	4,78
Khớp lệnh	9.324	9,53
Thỏa thuận	2.708	-8,86
HNX-Index		
Đóng cửa	220,67	-0,46
KLCP (triệu CP)	78,75	46,00
GTGD (tỷ VND)	1.243,0	59,10
UPCoM		
Đóng cửa	93,08	0,26
KLCP (triệu CP)	49,40	1,56
GTGD (tỷ VND)	807,2	-7,70

Diễn biến TTCK Mỹ: Chỉ số S&P500 kết thúc ngày với mức tăng 0,61%, chỉ thấp hơn một chút so với mức đóng cửa cao kỷ lục, cho phiên tăng thứ ba liên tiếp. Nasdaq và Dow cũng tăng vào thứ Tư, lần lượt đóng cửa tăng 1,28% và 0,30%. Cả hai mức trung bình này đều đang trong tầm với của mức cao mới.

Thế giới: IMF dự báo Việt Nam tăng trưởng cao hơn các quốc gia khác trong khu vực như: Trung Quốc (4,5%), Indonesia (5,1%), Thái Lan (3%) và Malaysia (4,4%). Đặc biệt, dự báo của IMF cho thấy tăng trưởng của Việt Nam cao gần gấp đôi mức tăng trưởng toàn cầu 3,2%. Theo báo cáo Đầu tư ASEAN 2024, giai đoạn 2021–2023, dòng vốn FDI vào Việt Nam, Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Singapore và Philippines đạt trung bình khoảng 236 tỷ USD mỗi năm. Nguyên nhân là do các nhà đầu rút khỏi Trung Quốc, trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị giữa Washington và Bắc Kinh, giúp các nước Đông Nam Á đang trở thành lựa chọn của các nhà đầu tư từ Mỹ, Nhật Bản và EU.

Việt Nam: Bộ Tài chính vừa có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình giải ngân vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước 12 tháng, ước 13 tháng kế hoạch năm 2024. Theo đó, về giải ngân vốn kế hoạch năm 2024 đến ngày 31/12/2024 là 548.569,3 tỷ đồng, đạt 72,9% kế hoạch (752.476,4 tỷ đồng), đạt 80,32% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Trong đó Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) là 5.624,32 tỷ đồng (đạt 88,45% kế hoạch), Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) là 19.936,9 tỷ đồng (đạt 73,24% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao). Ước giải ngân từ đầu năm đến ngày 31/1/2025 là 635.579,9 tỷ đồng, đạt 84,47% kế hoạch, đạt 93,06% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (cùng kỳ năm 2023 đạt 82,47% kế hoạch và đạt 93,12% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao). Trong 13 tháng 2024, 16/46 bộ, cơ quan trung ương và 37/63 địa phương có tỷ lệ ước giải ngân so với tổng kế hoạch đạt trên mức bình quân chung của cả nước (84,47%).

Tỷ giá USD/VND: Tỷ giá tự do giảm xuống mức 25.090.

Vàng: Giá vàng thế giới tăng lên mức 2.750 USD/Ounce, quy đổi theo tỷ giá bán Vietcombank tương đương 84,3 triệu đồng một lượng, giá vàng trong nước cũng được điều chỉnh tăng hơn nửa triệu đồng/lượng. Giá vàng miếng SJC vọt lên mốc 88 triệu đồng/lượng, vàng nhẫn lên mức 87,95 triệu đồng/lượng.

VPB:VPBank công bố báo cáo tài chính quý 4/2024 với lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt hơn 6.100 tỷ đồng, tăng gấp 2,4 lần so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế cả năm 2024, lợi nhuận trước thuế hợp nhất của ngân hàng này đạt hơn 20.000 tỷ đồng. Trong đó, ngân hàng "mẹ" có lợi nhuận trước thuế đạt 18.300 tỷ đồng, tăng 36% so với năm trước. Kết thúc năm 2024, quy mô tín dụng tại ngân hàng mẹ đạt hơn 629.000 tỷ đồng, tăng 19,4% so với đầu năm. Quy mô tín dụng hợp nhất của VPBank cán mốc 710.000 tỷ đồng. Công ty "con" như FE Credit cũng đóng góp khoản lợi nhuận khoảng 500 tỷ đồng.

TCH: CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm tài chính 2024 – 2025 (kỳ kế toán từ 1/4/2024 – 31/3/2025), ghi nhận doanh thu thuần đạt 1.561 tỷ đồng, giảm 3,2% so với cùng kỳ năm trước. Với việc giá vốn tăng nhẹ lên vượt ngưỡng 1.000 tỷ đồng, lợi nhuận gộp trong quý 3/2024–2025 của Hoàng Huy giảm 15% về còn 554 tỷ đồng. Dù đi lùi so với quý 3/2023–2024, đây là mức doanh thu cao nhất của TCH trong năm tài chính 2024 – 2025, vượt qua kết quả 828 tỷ đồng đạt được trong quý 1 và 1.414 tỷ đồng của quý 2. Trong kỳ, doanh thu hoạt động tài chính của TCH giảm 62% so với cùng kỳ về còn 33 tỷ đồng. Trừ đi thuế phí, TCH báo lãi sau thuế đạt 380 tỷ đồng, giảm 17,3% so với kết quả đạt được svck. Tương tự doanh thu, đây cũng là mức lợi nhuận cao nhất của Hoàng Huy trong năm 2024 – 2025, vượt qua 264 tỷ đồng của quý 2 và 229 tỷ đồng của quý 1.Với doanh thu tăng trưởng mạnh, lợi nhuận sau thuế của TCH đạt 867 tỷ đồng, tăng 19% svck. Trong năm 2024, TCH lên kế hoạch kinh doanh với 2.500 tỷ đồng doanh thu thuần và 800 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Như vậy, công ty đã vượt 52,3% kế hoạch doanh thu và 8,4% chỉ tiêu lợi nhuận sau 9 tháng kinh doanh.

Chứng khoán thế giới

Thị trường	Điểm số	%Δ	YTD
SP500	6.086,37	0,61	3,71
DJIA	44.156,73	0,30	4,16
Nasdaq	20.009,34	1,28	3,78
Shanghai	3.213,62	-0,89	-1,50
Hang Seng	19.778,77	-1,63	0,79

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
Vàng	2.754,25	0,35	3,61
Dầu WTI	75,24	-0,67	2,89
Dầu Brent	78,75	-0,61	3,75
Than	117,75	-0,34	-5,99
Đồng	4,2617	-0,90	6,79
Quặng sắt	101,21	0,00	-2,32
Thép	451,52	-0,59	0,96

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
DXY	108,24	0,13	-0,96
USD/JPY	156,37	0,42	-0,70
USD/CNY	7,2820	0,01	-0,80
EUR/USD	1,0409	-0,02	1,41
GBP/USD	1,2316	-0,19	-0,51

STB

(HOSE)

Khuyến nghị	**Mua**
Giá hiện tại (22/01/2025)	**26.350**
Giá mục tiêu ngắn hạn	**41.100**
Tiềm năng tăng trưởng	**13%-16%**
Vùng mua	**35.500-36.300**
Ngưỡng cắt lỗ	**<34.100**

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Lũy kế 9T2024, STB ghi nhận tổng thu nhập hoạt động đạt 21.267 tỷ đồng (+9,3% yoy) và lợi nhuận trước thuế đạt 8.094 tỷ đồng (+18,3% yoy), nhờ giảm mạnh chi phí trích lập dự phòng. Qua đó, STB hoàn thành 76% kế hoạch LNTT năm 2024

Chất lượng tài sản khả quan: Tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ 4 điểm phần trăm lên 2,47% tại cuối Q3/2024 và tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng nhẹ 0,02%. N ợ xấu hình thành mới trong Q3 giảm mạnh xuống 637 tỷ đồng (-70% YoY). Hiện STB đang trong quá trình xử lý 32,5% vốn cổ phần, là tài sản đảm bảo cho nợ xấu của cựu ban lãnh đạo hiện đang do VAMC nắm giữ. Việc xử lý thành công số vốn này sẽ cải thiện chất lượng tài sản và tăng tính minh bạch giúp thúc đẩy tăng trưởng bền vững cho STB trong thời gian tới.

Thu nhập lãi tích cực: Tín dụng kỳ vọng tăng trưởng tương đương trung bình ngành với 2 phân khúc cho vay chính (bán lẻ phục vụ sản xuất kinh doanh và doanh nghiệp SME) trên đà hồi phục tốt. NIM dự kiến cải thiện nhẹ đạt 3,8% trong năm 2025

Áp lực trích lập dự phòng ở mức thấp trong 2025 nhờ: (1) STB đã trích lập hầu hết cho trái phiếu VAMC; (2) Chất lượng danh mục cho vay ổn định với các khoản nợ quá hạn và nợ tái cơ cấu giảm dần, rủi ro tập trung và nợ liên đới qua CIC ở mức thấp.

Kỳ vọng xử lý tài sản tồn đọng của STB hoàn thành trong 2025-2026: Kỳ vọng STB sẽ tất toán toàn bộ trái phiếu VAMC và hoàn thành trích lập xử lý toàn bộ nợ xấu thuộc Đề án tái cơ cấu trong năm 2024-đầu 2025. Nhờ đó, áp lực trích lập dự phòng từ năm 2024 trở đi sẽ giảm bớt đáng kể giúp lợi nhuận tăng trưởng mạnh mẽ.

STB đã đấu giá thành công KCN Phong Phú và đã thu hồi được 20% tổng giá trị bán đấu giá. STB sẽ tiếp tục nhận được 40% trong năm 2024 và 40% trong năm 2025. đây sẽ là khoản giúp STB ghi nhận hoàn nhập và cải thiện KQKD trong năm 2025 sau khi đã nhận được đầy đủ khoản thanh toán của bên mua tài sản.

Thông tin doanh nghiệp

Phân ngành ICB L2	Ngân hàng
Biến động giá 1Y	26.150-37.850
KLGDBQ 10D (CP)	7.402.020
Vốn hóa (tỷ đồng)	67.962,03
BVPS	27.201
P/E (lần)	7,77
P/B (lần)	1,31
EPS (VND)	4.640,51
SL CPLH (triệu CP)	1.885,22
Tỷ lệ free-float (%)	100
Tỷ lệ sở hữu NĐTNN (%)	23,07
ROA (%)	1,26
ROE (%)	18,04

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

STB đang tích cực nắm giữ lại các mốc MA ngắn và dài hạn. Đồng thời các chỉ báo MFI, RSI đang tiến về vùng mua an toàn. Cần quan sát thêm diễn biến thị trường và dòng tiền để có điểm mua tốt nhất.

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
Xu hướng ngày	-	Tăng
Xu hướng tuần	-	Tăng
Xu hướng tháng	-	Tăng
RSI 14	58,29	Mua
MFI	43,31	Quan sát
MA10	35,70	Mua
MA20	36,27	Mua
MA50	34,52	Mua
MA100	33,73	Mua

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
Danh mục theo dõi										
1	**NT2**	Theo dõi	20,2-20,6			23.500	19.400			
2	**ACV**	Theo dõi	120,0-123,0			135.000	115.000			
3	**PVD**	Theo dõi	22,5-23,3			26.000	21.700			
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	**HPG**	Nắm giữ	25,6-26,0	25/11/2024	26.000	29.600	24.500			0,6%
2	**KBC**	Nắm giữ	27,1-27,6	27/11/2024	27.500	31.500	26.000			5,3%
3	**BCM**	Nắm giữ	67,5-69,5	27/12/2024	68.800	82.300	64.900			-2,0%
4	**HAG**	Nắm giữ	11,8-12,4	30/12/2024	11.800	16.900	11.600			2,5%
5	**TCB**	Nắm giữ	23,5-23,9	09/01/2025	23.750	27.000	22.500			1,9%
6	**VCG**	Nắm giữ	17,5-17,8	10/01/2025	18.000	20.900	16.800			8,3%
7	**ACB**	Nắm giữ	24,6-25,0	15/01/2025	24.650	28.000	23.600			0,8%
8	**NLG**	Nắm giữ	31,8-32,3	16/01/2025	32.200	38.000	30.400			4,0%
9	**VPB**	Nắm giữ	18,8-19,2	17/01/2025	18.300	22.200	18.000			0,3%
10	**VIB**	Nắm giữ	19,2-19,6	17/01/2025	19.650	22.500	18.400			1,5%
11	**HAX**	Nắm giữ	16-16,5	17/01/2025	16.500	18.500	15.400			-1,2%
12	**GMD**	Nắm giữ	61,0-62,0	20/01/2025	61.900	72.000	58.500			-0,8%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
1	**BFC**	Chốt lời	38-38,8	16/12/2024	38.000	45.500	36.500	25/12/24	41.650	9,6%
2	**HAX**	Chốt lời	15,9-16,3	18/12/2024	16.350	18.200	15.400	25/12/24	17.750	8,6%
3	**DDV**	Chốt lời	19,0-19,8	23/12/2024	19.900	23.000	18.400	25/12/24	21.000	5,5%
4	**DHC**	Chốt lời	35,0-35,6	23/12/2024	36.000	40.000	33.500	30/12/24	38.350	6,5%
5	**CTG**	Chốt lời	33,2-33,7	21/11/2024	33.600	36.800	31.900	31/12/24	38.700	15,2%
6	**VNM**	Cắt lỗ	63,3-64,0	26/11/2024	64.400	72.200	60.500	31/12/24	63.800	-0,9%
7	**VHC**	Chốt lời	72,6-73,4	21/11/2024	70.500	82.500	69.400	03/01/25	71.900	2,0%
8	**CTD**	Chốt lời	64,8-66,0	03/12/2024	65.500	75.000	62.100	03/01/25	69.900	6,7%
9	**PNJ**	Chốt lời	92,8-93,5	04/12/2024	93.500	108.000	88.600	03/01/25	97.900	4,7%
10	**REE**	Chốt lời	65,0-66,3	17/12/2024	66.000	73.000	62.300	03/01/25	67.300	2,0%
11	**MWG**	Cắt lỗ	60,0-61,0	25/12/2024	61.300	80.000	57.500	03/01/25	60.700	-1,0%
12	**MSB**	Chốt lời	11,2-11,5	25/12/2024	11.300	13.000	10.850	03/01/25	11.550	2,2%
13	**DGC**	Chốt lời	106-108	06/11/2024	107.400	124.000	103.000	06/01/25	116.000	7,5%
14	**DBC**	Chốt lời	26,6-27,0	17/12/2024	26.800	30.500	25.500	06/01/25	27.950	3,5%
15	**IDC**	Cắt lỗ	55,6-56,5	18/12/2024	56.200	64.500	53.100	06/01/25	55.400	-1,6%
16	**CTR**	Chốt lời	122-125,5	30/12/2024	122.000	145.000	117.700	10/01/25	127.500	4,2%
17	**PAN**	Chốt lời	22,2-22,8	10/12/2024	22.450	25.800	21.400	20/01/25	25.900	15,4%
18	**VGC**	Chốt lời	43,0-44,0	24/12/2024	44.000	54.000	41.500	20/01/25	49.750	13,1%
19	**PLX**	Chốt lời	37,5-38,2	08/01/2025	37.400	44.700	36.000	22/01/25	39.900	6,7%
20	**BVH**	Chốt lời	48,3-49,3	13/01/2025	49.000	56.000	46.400	22/01/25	52.100	6,3%

Email: research@lpbs.com.vn

Website:Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank (lpbs.com.vn)

Mở tài khoản LPBS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.